



xiāng zhù

襄助

verb · to assist; to help

Example Sentence

Gǎn xiè nǐ de xiāng zhù wǒ cái néng wán chéng zhè ge xiàng mù
感谢你的襄助，我才能完成这个项目。

Thanks to your assistance, I was able to
complete this project.

Trace each character, then write the word on your own.

襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄
襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄	襄		

助	助	助	助	助	助	助	助	助		
